TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HIỆP** TỈNH K GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **51**/2019/DSST
Ngày 22-11-2019
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH K GIANG

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Minh Đạo**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Ngọc Chúc**

2. Bà **Phạm Thị Lệ Hoa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Huỳnh Thiên Ân** – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh K Giang.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2019/TLST–DS ngày 28 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2019/QĐXXST–DS ngày 13 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng Thương mại Cổ phần K**

Địa chỉ: số 40-42-44 Phạm Hồng Thái, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Trần T.A** – Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần K.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Võ Văn T** – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần K – Chi nhánh R. Theo Quyết định ủy quyền thường xuyên đại diện Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số 1203/QĐ-NHKL ngày 24/4/2018 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần K và Quyết định bổ nhiệm chức vụ đối với ông Võ Văn Tùng số 150/QĐ-HĐQT ngày 02/5/2019 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần K.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông **Vũ Trọng Đ** – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần K – Chi nhánh R, Phòng giao dịch T. Theo Giấy

ủy quyền ngày 08/10/2019 của Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần K - Chi nhánh R.

- *Bị đơn:* Bà **Cao Mộng T** – sinh năm 1977

Ông **Phù Chí T1** – sinh năm 1973

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

(Hai bên đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần K là ông Vũ Trọng Đ trình bày:***

Vào ngày 27/8/2018, Ngân hàng Thương mại K – Chi nhánh R có ký kết hai hợp đồng tín dụng với ông Phù Chí T1, bà Cao Mộng T, để cho ông T1, bà T vay hai khoản vay như sau:

***** *Khoản vay 1:* Hợp đồng Tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số ML591466/HĐTD-CC

- Số tiền vay là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng)
- Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh
- Thời hạn vay: 90 ngày, kể từ ngày ký nhận nợ
- Lãi suất trong hạn: 14,94%/năm,
- Lãi suất nợ quá hạn: bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả,
- Tài sản cầm cố: gồm 02 xe môtô

+ Xe môtô biển số đăng ký: 68F6-0991, số khung: NC110AP-0064024, số máy: NC110APE-0064024, nhãn hiệu: Honda, số loại: Air Blade, màu sơn: Đỏ-Đen; Giấy Chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 005729 ngày 28/10/2010, mang tên chủ xe là Cao Mộng T, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

+ Xe môtô biển số đăng ký: 68T1-256.04, số khung: 5358DY060051, số máy: JC54E1092306, nhãn hiệu: Honda, số loại: Future FI, màu sơn: Đỏ Đen; Giấy Chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 007052 ngày 03/9/2015, mang tên chủ xe là Cao Mộng T, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- Phương thức thanh toán: trả góp vốn gốc và lãi vay theo định kỳ hàng ngày kể từ ngày 28/8/2018 đến ngày 25/11/2018, mỗi ngày là 1.151.932đ, ngày cuối là

1.161.932đ.

Nhưng thực tế Ngân hàng chỉ đang giữ Giấy Chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 005729 ngày 28/10/2010 và Giấy Chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 007052 ngày 03/9/2015, đều mang tên chủ xe là Cao Mộng T của ông T1, bà T; còn 02 xe môtô trên thì Ngân hàng cho ông T1, bà T nhận lại để đi làm ăn căn cứ theo Biên bản thỏa thuận gửi giữ tài sản ngày 27/8/2018 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần K và ông T1, bà T.

***** *Khoản vay 2:* Hợp đồng Tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số ML591464/HĐTD-CC

- Số tiền vay là 50.000.000đ (Một trăm triệu đồng)
- Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh
- Thời hạn vay: 90 ngày, kể từ ngày ký nhận nợ
- Lãi suất trong hạn: 14,94%/năm,
- Lãi suất nợ quá hạn: bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả,
- Hình thức bảo đảm: tín chấp
- Phương thức thanh toán: trả góp vốn gốc và lãi vay theo định kỳ hàng ngày, mỗi ngày là 576.250đ, ngày cuối là 581.250đ.

Trong quá trình vay vốn đến nay, ông T1, bà T đã thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền là 77.540.000đ, trong đó: đối với khoản vay 1 là 25.846.000đ, đối với khoản vay 2 là 51.693.000đ.

Từ ngày 26/11/2018, ông T1, bà T không thực hiện việc trả tiền góp cho ngân hàng nữa, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở nhưng ông bà vẫn không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng và hiện tại hợp đồng đã quá hạn thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu ông T1, bà T phải thanh toán nợ cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 22/11/2019 là: 100.727.715đ, trong đó: đối với khoản vay theo Hợp đồng Tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số ML591466/HĐTD-CC thì nợ gốc là: 53.333.333đ, tiền lãi là 13.818.477đ; đối với khoản vay theo Hợp đồng Tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số ML591464/HĐTD-CC thì nợ gốc là: 26.666.667đ, tiền lãi là 6.909.238đ và yêu cầu tính lãi phát sinh đối với hai khoản vay trên cho đến khi dứt nợ.

Trường hợp ông T1, bà T không trả hoặc trả không dứt nợ theo Hợp đồng Tín

dụng kiêm hợp đồng cầm cố số ML591466/HĐTD-CC ngày 27/8/2018 thì Ngân hàng yêu cầu được kê biên, bán đấu giá các tài sản cầm cố của ông Phù Chí T1, bà Cao Mộng T để thu hồi nợ.

**** Bị đơn ông Phù Chí T1, bà Cao Mộng T cùng trình bày:***

Ông T1, bà T thống nhất với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K, khi đó vợ chồng ông bà có vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K 150.000.000đ và cầm cố 02 chiếc xe mô tô. Ông bà xác nhận là hiện nay còn nợ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền gốc là 80.000.000đ, còn tiền lãi thì ông bà sẽ tính sau. Sau khi ký kết hợp đồng thì Ngân hàng giữ 2 Giấy chứng nhận đăng ký xe của ông bà, còn ông bà hiện đang quản lý, sử dụng 2 chiếc xe Air Blade và Future FI đã cầm cố cho Ngân hàng, theo Biên bản thỏa thuận gửi, giữ tài sản ngày 27/8/2018.

Nay ông bà không có khả năng trả nợ, đề nghị Ngân hàng Thương mại Cổ phần K xử lý tài sản cầm cố của ông bà để thu hồi nợ, khi có yêu cầu thì ông bà cam kết sẽ giao xe để cho Ngân hàng xử lý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần K và ông Phù Chí T1, bà Cao Mộng T là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần K được quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp.

- Về nội dung tranh chấp:

[1] Xét thấy, Hợp đồng Tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số ML591466/HĐTD-CC và Hợp đồng Tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số ML591464/HĐTD-CC ngày 27/8/2018 đã được các bên ký kết đúng theo quy định của pháp luật. Trong đó, Hợp đồng Tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số ML591466/HĐTD-CC là hợp đồng vay có bảo đảm bằng tài sản cầm cố và cả hai hợp đồng này đều có thời hạn hoàn tất hợp đồng. Tòa án công nhận các hợp đồng

tín dụng nói trên giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần K và ông Phù Chí T1, bà Cao Mộng T là hợp pháp.

[2] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Xét thấy, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K là ông Vũ Trọng Đ và ông Phù Chí T1, bà Cao Mộng T đều thừa nhận là vào ngày 27/8/2018, giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần K – Chi nhánh R và ông T1, bà T có ký Hợp đồng Tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số ML591466/HĐTD-CC và Hợp đồng Tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số ML591464/HĐTD-CC, để cho ông T1, bà T vay số nợ gốc là 150.000.000đ. Trong quá trình vay, ông T1, bà T đã trả được số tiền là 77.578.685đ, trong đó: đối với Hợp đồng Tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số ML591466/HĐTD-CC thì trả được nợ gốc là 46.666.667đ và tiền lãi là 1.719.123đ; đối với Hợp đồng Tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số ML591464/HĐTD-CC thì trả được nợ gốc là 23.333.333đ và tiền lãi là 859.562đ. Từ ngày 26/11/2018, ông T1, bà T không thực hiện việc trả tiền góp cho Ngân hàng nữa. Do vậy, Ngân hàng Thương mại Cổ phần K yêu cầu ông T1, bà T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi là 100.727.715đ, trong đó: đối với khoản vay theo Hợp đồng Tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số ML591466/HĐTD-CC ngày 27/8/2018 thì nợ gốc là: 53.333.333đ, tiền lãi là 13.818.477đ; đối với khoản vay theo Hợp đồng Tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số ML591464/HĐTD-CC ngày 27/8/2018 thì nợ gốc là: 26.666.667đ, tiền lãi là 6.909.238đ và yêu cầu tính lãi phát sinh đối với hai khoản vay này cho đến khi dứt nợ. Còn ông T1, bà T cho rằng ông bà chỉ biết hiện nay còn nợ Ngân hàng số nợ gốc là 80.000.000đ, còn lãi sẽ tính sau.

Căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ chứng minh, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay thì bị đơn ông Phù Chí T1, bà Cao Mộng T phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K khi đến hạn.

[3] *Về lãi suất:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần K yêu cầu tính lãi theo các hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết tạm tính đến ngày 22/11/2019 và lãi phát sinh đến khi thanh toán xong cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào Điều 91**,** Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì khi hai bên ký kết các hợp đồng tín dụng có thỏa thuận về lãi suất; do đó, Ngân hàng yêu cầu ông Phù Chí T1, bà Cao Mộng T phải chịu lãi suất theo các hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết là phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K, buộc ông Phù Chí T1, bà Cao Mộng T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 22/11/2019 là 100.727.715đ và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Về yêu cầu xử lý tài sản cầm cố của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K: Căn cứ theo quy định tại 310, 311, 314 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 56, 58, 59 và 63 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm thì yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, Hợp đồng Tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số ML591466/HĐTD-CC ngày 27/8/2018 có nội dung thỏa thuận việc cầm cố hai xe mô tô của ông Phù Chí T1, bà Cao Mộng T để đảm bảo cho khoản vay 100.000.000đ của ông T1, bà T đúng theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, ông Phù Chí T1, bà Cao Mộng T cho rằng ông bà không có khả năng trả nợ, đề nghị Ngân hàng xử lý tài sản cầm cố của ông bà để thu hồi nợ, khi có yêu cầu thì ông bà cam kết sẽ giao xe để cho Ngân hàng xử lý. Chính vì thế, sau khi án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Phù Chí T1, bà Cao Mộng T không trả nợ theo Hợp đồng Tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số ML591466/HĐTD-CC ngày 27/8/2018 cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần K có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang phát mãi, bán đấu giá tài sản cầm cố để thu hồi nợ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K được chấp nhận nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần K không phải chịu án phí.

Buộc ông Phù Chí T1, bà Cao Mộng T phải nộp án phí là: 100.727.715đ x 5% = 5.036.385đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 310, 311, 314, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Căn cứ Điều 9, Điều 25 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản đối với ông Phù Chí T1, bà Cao Mộng T.

2. Buộc ông Phù Chí T1, bà Cao Mộng T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K tổng cộng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 22/11/2019 là 100.727.715đ (Một trăm triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn bảy trăm mười lăm đồng), trong đó: đối với khoản vay theo Hợp đồng Tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số ML591466/HĐTD-CC ngày 27/8/2018 thì nợ gốc là: 53.333.333đ (Năm mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng), tiền lãi là 13.818.477đ (Mười ba triệu tám trăm mười tám nghìn bốn trăm bảy mươi bảy đồng); đối với khoản vay theo Hợp đồng Tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số ML591464/HĐTD-CC ngày 27/8/2018 thì nợ gốc là: 26.666.667đ (Hai mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng), tiền lãi là 6.909.238đ (Sáu triệu chín trăm lẻ chín nghìn hai trăm ba mươi tám đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng Tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số ML591466/HĐTD-CC và Hợp đồng Tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số ML591464/HĐTD-CC ngày 27/8/2018 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần K và ông Phù Chí T1, bà Cao Mộng T.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Phù Chí T1, bà Cao Mộng T không trả số nợ theo Hợp đồng Tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số ML591466/HĐTD-CC ngày 27/8/2018 cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần K có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang phát mãi, bán đấu giá tài sản cầm cố là xe mô tô biển số đăng ký: 68F6-0991, Giấy Chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 005729

ngày 28/10/2010, mang tên chủ xe là Cao Mộng T và xe môtô biển số đăng ký: 68T1-256.04, Giấy Chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 007052 ngày 03/9/2015, mang tên chủ xe là Cao Mộng T để thu hồi nợ.

Trường hợp ông Phù Chí T1, bà Cao Mộng T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ đối với Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số ML591466/HĐTD-CC ngày 27/8/2018 cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần K có trách nhiệm trả lại bản chính Giấy Chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 005729 ngày 28/10/2010 và Giấy Chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 007052 ngày 03/9/2015, cùng mang tên chủ xe là Cao Mộng T cho ông Phù Chí T1, bà Cao Mộng T.

3. ***Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:*** Ông Phù Chí T1, bà Cao Mộng T phải nộp số tiền là: 100.727.715đ x 5% = 5.036.385đ (Năm triệu không trăm ba mươi sáu nghìn ba trăm tám mươi lăm đồng).

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền là 2.571.000đ (Hai triệu năm trăm bảy mươi mốt nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003599 ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Đạo